TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2023/HS-ST
Ngày: 23/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Lâm Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hữu Đệ**

Bà **Nguyễn Thị Mai**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Đăng Hùng-** Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Kim Thanh-** Kiểm sát viên

Ngày 23/02/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh- Thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2023/TLST-HS ngày 12/01/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HS ngày 08/02/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Thị A**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Bùi Văn A1 và bà Đỗ Thị A2; Có chồng là Nguyễn Văn A3 và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; Theo danh chỉ bản số 732 lập ngày 28/10/2022 của Công an huyện Đông Anh xác định: Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị Hải B**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn X1, xã X2, huyện X3, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Nguyễn Văn B1 và bà Nguyễn Thị B2; Có chồng là Nguyễn Văn B3 và có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2016; Theo danh chỉ bản số 733 lập ngày 28/10/2022 của Công an Eện Đông Anh xác định: Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn X2, xã Y2, huyện Z2, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Nguyễn Minh C1 và bà Đào Thị C2; Theo danh chỉ bản số 734 lập ngày 28/10/2022

của Công an Eện Đông Anh xác định: Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Họ và tên: **Đinh Thế D**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Tổ X3, thị trấn Y3, huyện Z3, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Đinh Văn D1 và bà Hoàng Thị D2; Có vợ là Trần Thị Thu D3 và có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020; Theo danh chỉ bản số 735 lập ngày 28/10/2022 của Công an Eện Đông Anh xác định: Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Họ và tên: **Lương Văn E**, sinh năm 1988; Nơi thường trú: Tổ dân phố X4, thị trấn Y4, huyện Z4, tỉnh Nam Định; Tạm trú: Đội 9, thôn X5, xã Y5, huyện Z5, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Lương Văn E1 và bà Nguyễn Thị E2; Có vợ là Khương Thị E3 và có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; Theo danh chỉ bản số 736 lập ngày 28/10/2022 của Công an Eện Đông Anh xác định: Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Họ và tên: **Lê Văn F**, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Khối 6, xã X6, huyện Y6, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Lê Văn F1 và bà Lê Thị F2 (Đều đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị F3 và có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2005; Theo danh chỉ bản số 737 lập ngày 28/10/2022 của Công an Eện Đông Anh xác định: Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

*** Bị hại: Công ty TNHH điện tử Meiko K**.

Địa chỉ: Lô J1- J2, Khu công nghiệp K, xã K1, huyện K2, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông M- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983- Trưởng phòng hành chính nhân sự. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án như sau:

Bùi Thị A, Nguyễn Thị Hải B, Nguyễn Minh C, Đinh Thế D và Lương Văn E đều là công nhân làm tại bộ phận kho của Công ty TNHH điện tử Meiko K có địa chỉ: Khu công nghiệp K, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội (Gọi tắt là Công ty Meiko K). Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý các nguyên liệu, linh kiện, sản phẩm lỗi, hỏng của Công ty Meiko K, các đối tượng đã nảy sinh ý định, sau đó bàn bạc, thống nhất với nhau cùng trộm cắp những tài sản này để mang đi tiêu thụ và sẽ chia đều số tiền thu được kể cả khi trong quá trình thực hiện có người nghỉ ca, nghỉ phép. Lê Văn F là lái xe của Công ty TNHH vận tải Thuận Hòa, thường xuyên đến Công ty Meiko K để giao hàng nên biết A, B, Hùng, D và E. Khoảng năm 2021, A, B, C, D trộm cắp

các lõi phim của Công ty Meiko K bán cho F với giá 10.000 đ/lõi nC Cơ quan điều tra chưa có cơ sở làm rõ về số lượng, giá trị.

Đến khoảng đầu năm 2022, bị cáo F đến Công ty Meiko K thấy tại bộ phận kho có để các bản mạch bị lỗi trong quá trình sản xuất. F hỏi các bị cáo còn lại: "cái này thế nào, có bán được không?", các bị có còn lại trả lời "cái này không làm gì được". F nói tiếp "cứ xem đi, nếu được thì bán cho anh" rồi thống nhất khi A, B, Hùng, D và E trộm cắp được bản mạch lỗi sẽ thông báo số lượng cho F trước để F mua với giá 50.000 đ/kg. Phương thức thực hiện: Khi đến cổng Công ty Meiko K, F nói dối bảo vệ là lái xe của công ty vận cEển ký kết hợp đồng vận tải với công ty Meiko K để có thể đi vào Công ty lấy hàng. F điều khiển xe ô tô đi tới bộ phận kho xuất nhập hàng, đưa thùng cartong có chứa tiền cho các bị cáo còn lại. Lợi dụng việc quản lý bộ phận kho thường ký trước các giấy xác nhận mang hàng ra khỏi Công ty nên các bị cáo đưa cho F giấy này để làm thủ tục xuất hàng trộm cắp ra khỏi Công ty.

Khoảng 15h ngày 15/5/2022, B liên hệ với chị Hoàng Thị Hậu- Nhân viên bộ phận sản xuất hỏi "trên bộ phận sản xuất có hàng hủy không" (tức hỏi có các bản mạch bị lỗi) thì chị Hậu trả lời "có" và nhờ B tới kéo về kho. Sau đó, B kéo theo xe nâng rồi cùng A, C đi đến bộ phận sản xuất để lấy hàng. Tới nơi, B, A và C tiến hành thu gom các bản mạch bị lỗi được chứa trong các thùng nhựa màu đỏ để lên xe nâng. Khi thu gom được 15 thùng hàng hủy ở bộ phận Parking, chị Hậu nói với B "dưới này còn hàng hủy, em đi tới đây bê nốt cho chị", B đi theo chị Hậu còn C và A đi theo lối hành lang đối diện phòng nghỉ tầng 2 về trước. B đi theo chị Hậu đi thu gom thêm được 03 thùng nhựa màu đỏ chứa hàng hủy. Khi đang tiến hành thu gom thì anh Nguyễn Lương Trình– Quản lý bộ phận sản xuất phát hiện việc bộ phận kho không có trách nhiệm thu gom hàng lỗi nên nói cEện với chị Hậu. Chị Hậu gặp B nói "em kéo trả lại cho chị đi, quản lý người ta bảo giờ cái này không phải do kho quản lý nữa mà là đội MC quản lý và sẽ bàn giao cho kho sau". B đồng ý, đẩy xe nâng chở 18 thùng nhựa màu đỏ chứa hàng hủy về nơi bộ phận Parking để lại. Khoảng 16 giờ 45phút cùng ngày, B, A và C đến bộ phận Parking trộm cắp các bản mạch lỗi. B và A nói với C "cứ ở dưới để bọn chị lên trên lấy hàng hủy, khi nào lấy được thì bọn chị gọi thì mày mang thùng cartong lên", C đồng ý. B kéo theo xe đẩy màu trắng bạc cùng A đi vào thang máy lên tầng 2, đi theo lối hành lang đối diện phòng nghỉ tới bộ phận Parking. B và A đi đến vị trí nơi để các thùng nhựa màu đỏ chứa hàng hủy, cùng nhau bê 05 thùng nhựa đỏ có chứa các bản mạch lỗi loại 1 để lên xe đẩy rồi B đẩy xe đến kho phụ tầng 2, cách cửa kho khoảng 10m thì A chạy lên trước dùng chìa khóa mở cửa kho, B đẩy xe chở thùng nhựa vào trong, A đóng cửa lại. Tại đây, B đã gọi cho C bảo mang thùng cartong đến để cất giấu tài sản vừa trộm cắp được. C kéo theo xe nâng màu xanh, trên xe có chứa 03 thùng cartong (Loại thùng để lõi phim) đến. Cả 3 tiền hành cân số bản mạch trộm cắp được, rồi cEển các bản mạch trên xếp vào 3 thùng cartong, tổng khối lượng được 120kg. Khi đang cEển thì Lương Văn E đến thấy B, C, A đang trộm cắp tài sản nC không nói gì rồi cùng C đẩy xe nâng màu xanh do C mang tới trước đó chở hàng xuống bộ phận kho cất giấu. B và A đẩy xe đẩy tới bộ phận sản xuất trả lại các thùng nhựa màu đỏ rồi cùng đi về kho.

Ngày 17/5/2022, A, B và C trộm cắp thêm 06 thùng cartong chứa các lõi phim (Mỗi thùng chứa 04 lõi phim) được để sẵn tại kho. Các bị cáo này xếp 06 thùng cartong

chứa lõi phim và 03 thùng cartong chứa bản mạch trộm cắp được ngày 15/5/2022 lên trên 01 tấm palet nhựa. A sử dụng điện thoại số thuê bao 0338384385 liên lạc với F theo số thuê bao 0983021817 để thỏa thuận bán số tài sản trộm cắp được cho F và thông báo giá trị của số hàng khoảng hơn 6.000.000 đồng, nhờ F mua hộ một số đồ ăn từ bên ngoài mang vào. Khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày, F điều khiển xe ô tô tải màu trắng, BKS: 29H – 376.88 đến cổng bảo vệ, nói dối là người của Công ty Jupiter (Là công ty vận tải mà công ty Meiko K ký hợp đồng vận tải) vào nhận hàng. Bảo vệ đăng ký, hướng dẫn tới kho của Công ty Meiko K. Tại đây, F gặp và giao cho B một thùng cartong bên trong có đựng đồ ăn và 6.000.000 đồng. C lái xe nâng cEển 1 kiện hàng bao gồm 03 thùng đựng bản mạch lỗi loại 1 và 06 thùng cartong, mỗi thùng chứa 04 lõi phim lên thùng xe của F. Sau đó, A đưa cho F giấy xác nhận mang hàng ra khỏi Công ty. B đến vị trí nơi F để thùng cartong chứa đồ ăn và tiền mang vào trong, cùng với C, A chia số tiền thành 5 phần, C, B, A, E và D mỗi người được 1,2 triệu đồng. Do D và E nghỉ nên B cầm phần tiền sau sẽ đưa cho D, A có trách nhiệm cầm phần tiền đưa cho E. F điều khiển xe ô tô ra ngoài Khu Công nghiệp bán các thùng cartong chứa lõi phim cho một người thu mua sắt vụn qua đường không quen biết được 1.370.000 đồng, để lại trên xe 03 thùng cartong chứa bản mạch.

Ngày 18/5/2022, Công ty Meiko K phát hiện hành vi trộm cắp của các bị cáo và đến Đồn Công an Kim Chung trình báo sự việc.

Ngày 18/5/2022, D đi làm lại, B đã gặp D tại Công ty nói về số tiền mà D được nhận sau khi chia tiền có được từ tài sản trộm cắp. B hẹn đến khi giải lao sẽ đưa tiền. Tuy nhiên, buổi trưa cùng ngày, biết sự việc trộm cắp tài sản bị Công ty phát hiện nên A, B, C đã bàn bạc thống nhất gặp F chuộc lại tài sản. A liên hệ với F đề nghị được mua lại 03 thùng chứa bản mạch. E, C và B cEển lại tiền được chia cho A (Gồm cả số tiền chia cho D nC B chưa đưa). Cùng ngày hôm đó, F đến Công ty Meiko K gặp A trả lại 03 thùng cartong chứa bản mạch, A đã trả lại số tiền 6.000.000 đồng. C điều khiển xe nâng di cEển 03 thùng cartong chứa bản mạch lỗi trộm cắp được từ thùng xe tải của F đưa vào kho Công ty Meiko K.

Ngày 31/5/2022 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Eện Đông Anh kết luận: Bản mạch hỏng loại 1 từ quá trình sản xuất của công ty Meiko K có giá 205.200 đ/kg; 120kg bản mạch hỏng có giá trị **24.624.000** đồng.

Ngày 27/9/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Eện Đông Anh kết luận:

+ 24 lõi phim có đặc điểm: Dài 61cm, đường kính 10cm, có 02 lớp nilong được quấn quanh 01 lõi nhựa màu trắng, nặng 2,8 kg trị giá **2.108.328** đồng.

Tiến hành đấu tranh mở rộng điều tra, kết quả các bị đối tượng khai nhận ngoài trộm cắp các tài sản là bản mạch lỗi ngày 15/5/2022, lõi phim ngày 17/5/2022 các đối tượng còn trộm cắp các tài sản khác, cụ thể:

Trong năm 2022 đến khi bị phát hiện, A, C, D, B đã có hành vi cùng nhau trộm cắp các tấm palet nhựa có kích thước (1,2x1,2) m, nặng 7,9kg đã qua sử dụng của Công ty Meiko K và bán cho F với giá 40.000 đ/tấm, cụ thể:

+ Tháng 02/2022, trộm cắp 16 tấm.

+ Tháng 03/2022, trộm cắp 26 tấm.

+ Tháng 04/2022, trộm cắp 12 tấm.

+ Tháng 05/2022, trộm cắp 49 tấm.

- Ngày 28/11/2022 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Eện Đông Anh kết luận:

+ 16 tấm palet thời điểm tháng 02/2022 trị giá 758.400 đồng.

+ 26 tấm palet thời điểm tháng 03/2022 trị giá 1.232.400 đồng.

+ 12 tấm palet thời điểm tháng 04/2022 trị giá 568.800 đồng.

+ 49 tấm palet thời điểm tháng 05/2022 trị giá **2.322.600** đồng.

Tổng trị giá: **4.882.200** đồng.

Ngoài ra, từ năm 2019 đến năm 2020, các bị cáo A, C, D cùng các đối tượng Nguyễn Tiến Tùng, Nguyễn Thị Khánh Ly, Phạm Trọng D trộm cắp nilong quấn quanh lõi nhựa của lõi phim và bán cho một người tên Tiễn (Không rõ nhân thân lai lịch) với giá 8.000 đ/kg. Tuy nhiên, A, C, D trình bày do thời gian đã lâu nên không nhớ được cụ thể số cân nilong đã trộm cắp được. Nguyễn Tiến Tùng, Nguyễn Thị Khánh Ly không thừa nhận sự việc. Phạm Trọng D không có mặt tại nơi cư trú, không xác định được nơi ở và nơi làm việc. Công ty Meiko K không cung cấp được số liệu về số lượng, trị giá nilong bị chiếm đoạt nên không đủ căn cứ xử lý các đối tượng liên quan.

Tại Cơ quan điều tra, A, B, C, D, E khai nhận hành vi phạm tội của mình. F không thừa nhận việc mua các bản mạch lỗi mà chỉ thừa nhận việc mua các lõi phim và palet nhựa.

Đối với chị Hoàng Thị Hậu và anh Nguyễn Lương Trình không bàn bạc thỏa thuận gì với các bị cáo khi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Phần dân sự: Gia đoạn điều tra, truy tố, Công ty Meiko K yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại đối với giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản, đồng thời đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định pháp luật. Ngày 08/02/2023, tất cả các bị cáo tự nguyện liên đới nộp số tiền 31.614.328 đồng để bồi thường cho Công ty Meiko K. Sau khi nhận tiền, Công ty Meiko K không còn yêu cầu gì thêm về dân sự.

Cáo trạng số 01/CT-VKSĐA ngày 30/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh quyết định truy tố Bùi Thị A, Nguyễn Thị Hải B, Nguyễn Minh C, Đinh Thế D, Lương Văn E và Lê Văn F đều về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo đều khai nhận tội và thừa nhận toàn bộ hành vi bàn bạc, lén lút trộm cắp và tiêu thụ các tấm pallet đã qua sử dụng, bản mạch hỏng (Lỗi) loại 1, lõi phim của Công ty TNHH điện tử Meiko K như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Eện Đông Anh đã truy tố. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đều ăn năn, hối cải và mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật để các bị cáo cải tạo trở thành người tốt cho xã hội.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại vắng mặt nC có văn bản xác định đã nhận toàn bộ số tiền 31.614.328 đồng do các bị cáo bồi thường và không còn yêu cầu gì thêm về dân sự, đồng thời đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Eện Đông Anh giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc

truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử phạt:

+ Bùi Thị A từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

+ Nguyễn Thị Hải B từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

+ Nguyễn Minh C từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

+ Đinh Thế D từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

+ Lương Văn E từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

+ Lê Văn F từ 07 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận tiền bồi thường, bị hại không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1**] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[**2**] Về hành vi và tội danh của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng trích xuất hình ảnh ghi lại hành vi của các bị cáo và tang vật vụ án thu được. Riêng đối với bị cáo Lê Văn F ban đầu không thừa nhận việc mua các bản mạch lỗi từ các bị cáo còn lại mà chỉ thừa nhận việc mua các lõi phim và palet nhựa. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi này của mình. Mặt khác, căn cứ các tài liệu lời khai của các bị cáo còn lại, biên bản tạm giữ tài liệu đồ vật và đặc biệt là hình ảnh trích thu camera thì cũng hoàn toàn đủ căn cứ xác định bị cáo F mua cả các bản mạch lỗi. Bị cáo F mặc dù không trực tiếp thực hiện việc trộm cắp tài sản như các bị cáo còn lại nC biết nguồn gốc các tài sản do trộm cắp mà có, có sự bàn bạc, thống nhất, hứa hẹn trước việc thu mua các tài sản sau khi các bị cáo còn lại trộm cắp được tài sản nên hành vi của F có tính chất đồng phạm với các bị cáo còn lại. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Trong thời gian từ tháng 02/2022 đến ngày 17/5/2022, các bị cáo Bùi Thị A, Nguyễn Thị Hải B, Nguyễn Minh C, Đinh Thế D, Lương Văn E và Lê Văn F đã có hành vi hành vi bàn bạc, lén lút trộm cắp và tiêu thụ các tấm pallet đã qua sử dụng,

bản mạch hỏng (Lỗi) loại 1, lõi phim của Công ty TNHH điện tử Meiko K nhiều lần nC bị kiểm tra phát hiện, cụ thể:

Lần thứ nhất: Từ tháng 02/2022 đến tháng 5/2022, A, C, D, B trộm cắp tổng số 103 tấm palet nhựa đã qua sử dụng trị giá **4.882.200** đồng (Trong đó có 01 lần trị giá **2.322.600** đồng). Sau đó bán cho bị cáo F.

Lần thứ hai: Ngày 15/5/2022, A, B, C, D, E trộm cắp 120 kg bản mạch hỏng (Lỗi), loại 1, trị giá **24.624.000** đồng. Sau đó bán cho bị cáo F.

Lần thứ ba: Ngày 17/5/2022, A, B, C, D, E trộm cắp 24 lõi phim trị giá **2.108.328** đồng. Sau đó bán cho bị cáo F.

Do các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm nên phải chịu trách nhiệm hình sự chung cho tổng số tiền chiếm đoạt. Theo đó:

Tổng giá trị tài sản bị cáo Lương Văn E tham gia trộm cắp và chịu trách nhiệm chung là **26.732.328** đồng.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo: A, B, D, C, F tham gia trộm cắp và chịu trách nhiệm chung là **31.614.328** đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức được luật hình bảo vệ, ngoài ra còn xâm phạm trật tự công cộng, an toàn xã hội trên địa bàn Eện Đông Anh, ảnh hưởng một phần đến môi trường, hình ảnh, niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi và hậu quả do hành vi của mình gây ra, song do tham lam tư lợi, thiếu tu dưỡng, các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Do đó, hành vi của các bị cáo phạm tội: Trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Nội dung Điều luật quy định:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...*"

Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử, có mức hình phạt thỏa đáng thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời đấu tranh, tuyên truyền, giáo dục, phòng chống tội phạm nói chung là cần thiết.

Đối với việc các bị cáo A, C, D khai từ năm 2019 đến năm 2020 đã cùng các đối tượng Nguyễn Tiến Tùng, Nguyễn Thị Khánh Ly, Phạm Trọng D trộm cắp nilong quấn quanh lõi nhựa của lõi phim và bán cho một người tên "Tiễn". Tuy nhiên không nhớ được cụ thể số lượng nilong đã trộm cắp, Nguyễn Tiến Tùng, Nguyễn Thị Khánh Ly không thừa nhận sự việc, Phạm Trọng D không có mặt tại nơi cư trú, không xác định được nơi ở và nơi làm việc, đối tượng tên "Tiễn" không làm rõ được nhân thân, Công ty Meiko K không cung cấp được số liệu về số lượng, trị giá nilong bị chiếm đoạt nên không đủ căn cứ xử lý các đối tượng liên quan là đúng quy định.

Đối với chị Hoàng Thị Hậu và anh Nguyễn Lương Trình không bàn bạc thỏa thuận gì với các bị cáo khi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[**3**] Về nhân thân và tiền án, tiền sự của bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[**4**] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo; Ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu; Loại tội ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả vụ án; Bị cáo D có người thân có công với Cách mạng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[**5**] Về hình phạt chính: Khi lượng hình, Tòa án xét đến nhân thân, tính chất và mức độ thực hiện hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để từ đó có hình phạt tương xứng. Cụ thể: Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm nC giản đơn, không có tổ chức, tiếp nhận ý chí của nhau một cách bột phát do có cơ hội trong việc buông lỏng quản lý, giám sát hàng hóa sau sản xuất, lơ là trong công tác bảo vệ, an ninh của doanh nghiệp.

Xét tổng thể vụ án cho thấy, các bị cáo đa phần đều là công nhân cùng bộ phận làm việc và đều quen biết với nhau. Theo đó, căn cứ vào diễn biến hành vi của từng bị cáo từ khi bàn bạc, thống nhất, thực hiện hành vi trộm cắp, tiêu thụ đến khi bị bắt quả tang, vai trò của từng bị cáo được phân hóa với mức độ như sau:

Vai trò cao nhất trong toàn diện vụ án và ngang bằng nhau là các bị cáo Bùi Thị A, Nguyễn Thị Hải B, Lê Văn F do là những người tham gia trong tất cả các lần trộm cắp tài sản; trực tiếp liên hệ, giao dịch việc mua bản tài sản và chuẩn bị các điều kiện thuận lợi nhất để mang tài sản chiếm đoạt ra khỏi doanh nghiệp. Tiếp đến vai trò thấp hơn là của bị cáo Nguyễn Minh C, tham gia tích cực cùng với A, B trong việc chiếm đoạt. Vai trò thấp nhất và ngang bằng nhau là của các bị cáo Đinh Thế D, Lương Văn E là những người tham gia trộm cắp có mức độ, được hứa hẹn, ăn chia số tiền hưởng lợi. Do đó, mức hình phạt của các bị cáo được áp dụng tương đương với vai trò của từng bị cáo.

Các bị cáo phạm tội phạm loại tội ít nghiêm trọng, có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên, tuy nhiên tổng giá trị tài sản trộm cắp không lớn, đã khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án; Các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng, một số bị cáo là đồng phạm thứ yếu, tham gia có mức độ. Ngoài ra, xem xét các bị cáo đều có nhân thân tốt, đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xử phạt các bị cáo hình phạt tù nC cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 (Sửa đổi một số Điều của của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, cho các bị cáo có cơ hội cải tạo ngoài xã hội trở thành người tốt.

[**6**] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo các bị cáo A, E, F có đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo này. Đối với các bị cáo còn lại cần phạt tiền với số tiền tương ứng là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

[**7**] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tiền bồi thường, không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[**8**] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Eện Đông Anh giữ quyền công tố tại phiên toà về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt chính đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[**9**] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[**10**] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. **Về tội danh**: Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị A, Nguyễn Thị Hải B, Lê Văn F, Nguyễn Minh C, Đinh Thế D, Lương Văn E phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. **Về hình phạt chính**: *Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt:*

- Bùi Thị A **18** (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **36** (Ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.
- Nguyễn Thị Hải B **18** (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **36** (Ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.
- Lê Văn F **18** (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **36** (Ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.
- Nguyễn Minh C **16** (Mười sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **32** (Ba mươi hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.
- Đinh Thế D **15** (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **30** (Ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.
- Lương Văn E **15** (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **30** (Ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Thị A cho Ủy ban nhân dân xã Liên Mạc, Eện Mê Linh, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của Bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hải B cho Ủy ban nhân dân xã Văn Khê, Eện Mê Linh, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của Bản án.

Giao bị cáo Lê Văn F cho Ủy ban nhân dân xã Phù Lỗ, Eện Sóc Sơn, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của Bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Minh C cho Ủy ban nhân dân xã Dục Tú, Eện Đông Anh, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của Bản án.

Giao bị cáo Đinh Thế D cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đông Anh, Eện Đông Anh, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của Bản án.

Giao bị cáo Lương Văn E cho Ủy ban nhân dân xã Kim Chung, Eện Đông Anh, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của Bản án.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự;

- Phạt tiền bị cáo Đinh Thế D 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.
- Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Hải B 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.
- Phạt tiền bị cáo Nguyễn Minh C 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. **Về án phí và quyền kháng cáo**:

- Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Mỗi bị cáo phải chịu **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- *TAND Thành phố Hà Nội;*
- *Sở tư pháp TP. Hà Nội;*
- *VKSND huyện Đông Anh;*
- *Công an huyện Đông Anh;*
- *Chi cục THADS huyện Đông Anh;*
- *Bị cáo;*
- *UBND xã (phường) nơi cư trú của các bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ./.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lâm Bình